

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Doanh nghiệp: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam

Địa chỉ trụ sở chính: Khối I, Xã Hưng Đạo, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An

Mã chứng khoán: BSL

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900783332 đăng ký lần đầu ngày 20/12/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 26/09/2016 do sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp.

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Hồng Anh

Chức vụ: TV. HĐQT/ Phó giám đốc

Loại công bố thông tin: Bất thường

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam trân trọng công bố thông tin sau đây:

Báo cáo thường niên năm 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại Website:

<http://sasobeco.com.vn>

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Nơi nhận:

Như trên;

TVHĐQT, BKS, BĐH;

Lưu: TK.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN



Nguyễn Hồng Anh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900783332
- Vốn điều lệ: 450.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Khối 1, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
- Số điện thoại: 02383.587.200 Số fax: 02383.587.226
- Website: <http://sasobeco.com.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có): BSL

Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày 20/12/2006: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2703001077 có trụ sở chính tại khối 1, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, là Công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.

- Ngày 9/12/2007: Nhà máy bia Sài Gòn – Sông Lam được khởi công xây dựng tại khu Rú Mượu thuộc địa bàn xã Nam Giang, huyện Nam Đàn và xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên.

- Ngày 13/07/2009: Chính thức triển khai xây dựng Nhà máy. Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông lam được xây dựng với tổng giá trị thực hiện dự án giai đoạn 1 là 1.045 tỷ đồng, trong đó phần thiết bị trị giá 859,797 tỷ đồng. Tổng thầu thiết kế và xây lắp nhà máy là Công ty Kroness AG – CHLB Đức, công suất thiết kế đạt 100 triệu lít/năm và có thể mở rộng lên 200 triệu lít/năm.

- Ngày 12/08/2010: Sản xuất mẻ bia thương mại đầu tiên.

- Ngày 12/12/2014: Chuyển trụ sở chính Công ty về tại Khối 1, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

- Ngày 30/12/2014: Công ty nhận Cờ thi đua của Bộ Công Thương theo Quyết định 11996/QĐ-BCT.

- Ngày 20/12/2016: Kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Công ty.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; mua bán nguyên vật liệu, vật tư, phụ tùng, và ngành nghề khác theo quy định pháp luật.

- Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát và Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý
- + Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ: Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ. Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.
- + Hội đồng Quản trị: Là cơ quan quản lý cấp cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa kỳ Đại Hội. Các thành viên Hội đồng Quản trị được cổ đông bầu. Hội đồng Quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để giải quyết mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông
- + Ban kiểm soát: Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc.
- + Ban Giám đốc: Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chỉ đạo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- + Công ty có 13 Phòng ban, phân xưởng: Phòng Kế toán tài chính; Phòng Hành chính – Tổ chức; Phòng Kế hoạch - Đầu tư; Phòng Kiểm soát chất lượng; Phòng Kỹ thuật; Phòng Kiểm toán nội bộ; Bộ phận ISO; Phân xưởng Nấu – Xử lý nước cấp; Phân xưởng Động lực; Phân xưởng Lên men – Lọc - CIP – Xử lý nước thải; Phân xưởng Chiết bia; Phân xưởng Bảo trì và Bộ phận Kho.

4. Định hướng phát triển

- *Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:*
- + Hoàn thành tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông và Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn đề ra.
- + Duy trì, đảm bảo tốt chất lượng các sản phẩm khi xuất ra thị trường.
- + Đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh.
- + Tăng cường, phối hợp với Công ty Thương mại tại khu vực phát triển thị trường.
- *Chiến lược phát triển trung và dài hạn:*
- + Bám sát định hướng, quy hoạch phát triển sản xuất xuất cũng như thị trường do Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn đề ra.
- + Tăng cường vai trò quản lý sản xuất kinh doanh qua các công tác cải tiến kỹ thuật, minh bạch trong quản trị, đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty bằng việc đẩy mạnh sản xuất, chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần cùng Tổng Công ty nâng cao uy tín thương hiệu, mang lại hiệu quả kinh doanh tối ưu cho Công ty, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và đưa Công ty ngày càng phát triển.
- + Chủ động tìm kiếm các thị trường tiềm năng và đẩy mạnh hợp tác, phát triển các dòng sản phẩm thế mạnh.
- *Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:*
- + Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2018; Hệ thống Quản lý

Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015; Phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 mang lại nhiều hiệu quả cao trong công tác giám sát, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Phối hợp với các cơ quan ban ngành, các tổ chức, địa phương thực hiện công tác xã hội theo định hướng của Tổng Công ty “Bia Sài Gòn chung tay vì cộng đồng”.

5. Các rủi ro:

- Hiệu quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc lớn vào sản lượng sản xuất và giao nhận hàng của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn;

- Cạnh tranh khốc liệt với nhiều loại sản phẩm bia khác trong và ngoài nước.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Trong năm 2021, tình hình kinh tế có chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn, thách thức.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021		Tỷ lệ %
		Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
1. Sản lượng sản xuất	Nghìn lít	112,500	75,429	67.05
2. Sản lượng tiêu thụ	Nghìn lít	112,500	75,322	66.95
3. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2,040.05	1,425.28	69.86
4. Thuế TTĐB	Tỷ đồng	1,064.02	710.53	66.78
5. Giá vốn	Tỷ đồng	841.66	648.13	77.01
6. Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	1.70	0.99	57.91
7. Chi phí quản lý	Tỷ đồng	27.62	23.25	84.19
8. Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	101.62	44.50	43.79
9. Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	2.94	0.75	25.48
- Lãi tiền gửi	Tỷ đồng	1.59	2.49	156.85
- Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	5.02	0.88	17.50
10. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	104.56	44.30	42.37
- Thuế TNDN	Tỷ đồng	20.91	8.72	41.68
11. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	83.65	35.11	41.97

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ % sở hữu
1	Võ Hải Thanh	Giám đốc	05/05/1969	Cử nhân kinh tế, Kỹ sư cơ khí	0.438%
2	Nguyễn Hồng Anh	Phó Giám đốc	29/04/1968	Cử nhân kinh tế	0.111%
3	Hoàng Lâm Hòa	Phó Giám đốc	26/12/1968	Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư cơ khí	0%

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Số lao động có mặt cuối kỳ: 199 người; trong đó: nữ 61 người:

- Lao động ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 196 người
- Lao động ký hợp đồng xác định thời hạn 12 tháng đến 36 tháng: 00 người
- Số lao động ký hợp đồng lao động dưới 12 tháng: 03 người

+ Nguồn lao động ổn định và được điều chuyển cân đối giữa các bộ phận. Lao động trong năm giảm: 2%. Do tình hình dịch bệnh, để đảm bảo công tác phòng chống dịch, Công ty đã có phương án bố trí một số lao động ngừng việc trong thời gian dịch bệnh diễn biến phức tạp, người lao động ngừng việc hưởng lương ngừng việc theo quy định của Tổng Công ty, đảm bảo đời sống cho người lao động.

+ Nguồn lao động trẻ, với trình độ chuyên môn cao, trình độ đại học chiếm 46%, cao đẳng và trung cấp chiếm 24%, lao động có bằng nghề, công nhân kỹ thuật chiếm 30% tổng số lao động và thường xuyên được đào tạo nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cụ thể:

- Các chế độ, chính sách đối với người lao động như tham gia Bảo hiểm xã hội theo quy định được thực hiện nghiêm túc. Người lao động được hưởng các chế độ khác từ nguồn quỹ chăm lo đời sống cho người lao động của Công ty.

- Số lần đào tạo trong năm 2021: 11 lượt với 325 lượt người và chi phí đào tạo 126,9 triệu đồng

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có.

b. Đầu tư bổ sung, hoàn thiện:

- Dự án Đầu tư Hệ thống điện năng lượng mặt trời công suất 1MWp tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam đã hoàn thành đi vào hoạt động từ tháng 6/2021; đang tiến hành thủ tục Quyết toán Dự án hoàn thành.

- Dự án xây dựng Nhà văn phòng: Đã được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam phê duyệt chủ trương đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Báo cáo kinh tế kỹ thuật. Đang lập hồ sơ mời thầu gói thầu thi công cung cấp thiết bị, lắp đặt và xây dựng Nhà văn phòng. Hiện Dự án tạm dừng do năm 2021 tình hình Covid 19 diễn biến phức tạp, năm 2022 tiếp tục triển khai.

- Dự án Đầu tư 1 phần đường nội bộ và thoát nước khu vực Văn phòng công chính phía Nam là phần hạ tầng xung quanh Nhà văn phòng, nên sẽ được triển khai đồng bộ cùng Dự án xây dựng Nhà văn phòng.

- Dự án đầu tư Xây dựng Hàng rào tạm khu đất 46 hộ dân giải tỏa sẽ triển khai thực hiện sau khi UBND tỉnh bàn giao khu đất 46 hộ dân. Hiện tại vẫn chưa bàn giao đất khu 46 hộ dân nên chưa triển khai được.

4. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ %
Tổng giá trị tài sản	679,458,698,647	621,100,460,856	91.41%
Doanh thu thuần	700,309,398,273	715,253,026,190	102.13%

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	38,912,466,792	44,500,946,080	114.36%
Lợi nhuận khác	567,238,852	(203,823,897)	-35.93%
Lợi nhuận trước thuế	39,479,705,644	44,297,122,183	112.20%
Lợi nhuận sau thuế	34,001,765,994	35,108,695,082	103.26%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5%	7%	140.00%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
<i>Hệ số thanh toán ngắn hạn</i>	Lần	0.99	1.62
<i>Hệ số thanh toán nhanh:</i>	Lần	0.31	0.78
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
<i>Hệ số Nợ/Tổng tài sản</i>	%	28.14%	19.91%
<i>Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu</i>	%	38.44%	25.33%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
<i>+ Vòng quay hàng tồn kho:</i>			
<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	Lần	9.31	12.20
<i>+ Vòng quay tổng tài sản:</i>			
<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản</i>	Lần	1.03	1.15
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
<i>Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	%	4.86%	4.91%
<i>Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</i>	%	7.19%	7.06%
<i>Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</i>	%	5.00%	5.17%
<i>Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần</i>	%	5.56%	6.22%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu của công ty: 45.0000.000 CP.
- Loại cổ phiếu đang lưu hành: Cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 0 CP.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật: 0 CP.

b) Cơ cấu cổ đông:

- **Phân loại theo tỷ lệ sở hữu:**
 - + Cổ đông lớn: Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn chiếm 30,950,000 cổ phần ứng với tỷ lệ 68.78%.
 - + Cổ đông nhỏ: 14,050,000 cổ phần tương ứng với tỷ lệ 31.22%
- **Phân loại theo cổ đông là tổ chức và cá nhân:**
 - + Cổ đông là tổ chức chiếm 34,044,067 cổ phần tương ứng 75,67%
 - + Cổ đông cá nhân chiếm 10,955,933 cổ phần ứng với tỷ lệ 24,34%

- **Phân loại theo cổ đông nước ngoài:**

- + Cổ đông nước ngoài chiếm 164,613 cổ phần ứng với tỷ lệ 0.37%

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không.

e) **Các chứng khoán khác:** Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Malt: 8.989.212kg

- Gạo: 2.534.290 kg

- Hoa cao houblon: 2.577 kga

- Lon rỗng: 191.801.199 cái tương đương 2.033 tấn (trung bình 10.6g/ lon rỗng)

- Thùng giấy: 7.995.146 thùng tương đương 1.479 tấn (trung bình 185g/ thùng giấy).

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Điện: 7.911.995 kWh

- Hơi bão hòa: 23.006 tấn.

b) Các biện pháp nhằm tiết kiệm năng lượng đã được thực hiện tại nhà máy như: Quản lý giám sát chặt chẽ việc tiêu thụ năng lượng từ đó đưa ra các biện pháp giảm hao phí, tiết kiệm năng lượng hiệu quả, lắp đặt đồng hồ đo điện tại từng phân xưởng, lắp đặt Biên tần cho các động cơ, sử dụng đèn Led tiết kiệm điện thay thế cho đèn Halogen, lắp đặt áo nhiệt cho hệ thống hơi nóng nhằm tiết kiệm hơi nóng, đầu tư hệ thống điện mặt trời áp mái, tối ưu hoá cài đặt nhiệt độ các máy thanh trùng phù hợp với thời tiết, thu hồi và tái sử dụng dịch ở công đoạn Nấu... Thông qua việc giám sát sử dụng năng lượng, tiết giảm hao phí và áp dụng các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả, công ty đã thực hiện giảm được định mức sử dụng năng lượng và nguyên vật liệu so với năm 2020.

6.3 Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn cấp nước thô cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là nguồn nước từ kênh Đào và các nhà cung cấp nước trên địa bàn. Tổng lượng nước sinh hoạt đưa vào sử dụng năm 2021 là 310.858 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nước tái sử dụng từ nước thải đã được xử lý dùng để tưới cây, cỏ: 100 m³ chiếm 0,03%.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động năm 2021 là 200 người trong đó lao động nữ 61 người.
- Mức lương trung bình đối với người lao động là 10.8 triệu đồng/ tháng. Do tình hình dịch bệnh, một số lao động được bố trí ngừng việc vào các thời điểm dịch bệnh diễn biến phức tạp nhằm đảm bảo an toàn, được hưởng lương ngừng việc theo quy định.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Ngoài chính sách việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định cho người lao động, chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi cho người lao động luôn được chú trọng. Chi phí phúc lợi chăm lo đời sống người lao động năm 2021 là 2.8 tỷ đồng.

- Người lao động làm việc tại các phân xưởng được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định; tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động. Các hoạt động tặng quà CBCNV các ngày lễ, thăm hỏi kịp thời đời sống của người lao động... luôn được duy trì và phát huy qua các năm.

- Hoạt động đào tạo người lao động: Do tình hình dịch bệnh, các hoạt động đào tạo chủ yếu tập trung các khoá đào tạo định kỳ theo quy định của pháp luật như an toàn lao động, tập huấn kiến thức an toàn vệ sinh thực phẩm... thực hiện qua hình thức đào tạo Online.

- Trong thời gian học tập, người lao động được hưởng nguyên lương, được đảm bảo các quyền lợi khác.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên. Số giờ đào tạo năm 2021: 6.4 giờ/ người.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	KH 2021	TH 2021	Tỷ lệ TH2021 /TH2020	Tỷ lệ TH2021 /KH2021
1	Sản lượng tiêu thụ	1000 lít	75,983	112,500	75,322	99.13%	66.95%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1,412.69	2,040.05	1,425.28	100.9%	69.86%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	667.33	876.01	674.20	101%	76.96%
4	Tổng số thuế phải nộp ngân sách	Tỷ đồng	814.86	1,216.11	812.59	99.72%	66.82%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	34.00	83.65	35.11	103.3%	41.97%

Trong năm qua, Công ty không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản:

Stt	Nội dung	Năm 2020		Năm 2021		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Số tuyệt đối	Tỷ lệ
I	Tài sản ngắn hạn	187,973,676,734	28%	199,941,625,165	32%	11,967,948,431	6%

1	Tiền và các khoản tương đương tiền	32,255,619,506	17%	77,827,647,594	39%	45,572,028,088	141%
2	Khoản phải thu ngắn hạn	26,969,839,771	14%	18,671,346,129	9%	(8,298,493,642)	-31%
3	Đầu tư Tài chính ngắn hạn	60,000,000,000	32%	50,000,000,000	25%	(10,000,000,000)	-17%
4	Tài sản ngắn hạn khác	579,287,322	0%	301,315,247	0%	(277,972,075)	-48%
3	Hàng tồn kho	68,168,930,135	36%	53,141,316,195	27%	(15,027,613,940)	-22%
II	Tài sản dài hạn	491,485,021,913	72%	421,158,835,691	68%	(70,326,186,222)	-14%
1	TSCĐ	475,006,412,120	97%	411,846,682,137	98%	(63,159,729,983)	-13%
2	Tài sản dài hạn khác	15,886,109,793	3%	8,673,614,463	2%	(7,212,495,330)	-45%
	Tổng TS	679,458,698,647		621,100,460,856		(58,358,237,791)	-9%

Tổng tài sản năm 2021 giảm 58.36 tỷ đồng so với năm 2020, trong đó tài sản dài hạn giảm 14% tương ứng với 70.3 tỷ đồng mà tài sản cố định giảm do lũy kế khấu hao tăng lên nên không ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong khi đó tài sản ngắn hạn tăng gần 12 tỷ đồng (6%) so với năm 2020 do trong năm 2021 công ty đã cân đối tốt dòng tiền nên tiền vay giảm đồng thời có tiền gửi tiết kiệm; phải thu ngắn hạn giảm và hàng tồn kho năm 2021 đáng kể so với năm 2020. Công ty không có khoản nợ phải thu khó đòi cũng như tất cả các tài sản của doanh nghiệp vẫn trong tình trạng hoạt động tốt.

b) Tình hình nợ phải trả

Stt	Nội dung	Năm 2020		Năm 2021		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Số tuyệt đối	Tỷ lệ
1	Nợ ngắn hạn	190,724,824,355	28%	123,164,171,965	20%	(67,560,652,390)	-35%
1.1	Phải trả người bán	9,804,967,341	1%	7,136,471,972	1%	(2,668,495,369)	-27%
1.2	Vay ngắn hạn	67,230,221,922	10%	-	0%	(67,230,221,922)	-100%
2	Nợ dài hạn	492,000,000	0%	492,000,000	0%	-	0%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Triển khai và ứng dụng phần mềm trong quản lý sản xuất, quản lý kinh doanh, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Phối hợp với Công ty Thương mại và các sở ban ngành địa phương nhằm tăng tiêu thụ sản phẩm tại chỗ, giảm thiểu chi phí vận chuyển, tăng lợi nhuận.

- Tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội.

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, các phần mềm quản lý sản xuất vào quá trình để nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Khai thác tối ưu nguồn nhân lực hiện có, đảm bảo chất lượng sản phẩm khi xuất ra thị trường. Thực hiện tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn lao động gắn liền với bảo vệ môi trường.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Công ty sử dụng nước mặt của sông Đào và các nhà cung cấp nước trên địa bàn. Năm 2021, khối lượng khai thác là 333.849 m³ với lưu lượng khai thác trung bình là 915 m³/ngày đêm.

- Năng lượng: Tiết kiệm năng lượng là một trong những yếu tố được công ty chú trọng nhằm nâng cao hiệu quả, tiết giảm chi phí sản xuất, năm 2021 công ty đã thực hiện kiểm soát sử dụng năng lượng theo định mức đã đề ra. Năm 2021 công ty tiêu thụ 7,92 triệu kWh điện năng.

- Hệ thống lò hơi chính của nhà máy sử dụng công nghệ Biomass với nguồn nguyên liệu chính là mùn cưa. Lò hơi đốt dầu chỉ sử dụng để phòng ngừa sự cố nên lượng dầu tiêu thụ là không lớn.

- Phát thải: Hệ thống xử lý chất thải (nước thải, khí thải) tại nhà máy được đầu tư đồng bộ với thiết bị công nghệ hiện đại, tiên tiến nên luôn đảm bảo chất lượng trước khi xả thải ra môi trường. Các thông số phân tích chất lượng nước thải sau khi xử lý của Công ty đảm bảo đạt quy chuẩn cột A-QCVN 40:2011/BTNMT và khí thải đạt tiêu chuẩn theo quy chuẩn cột B-QCVN 19:2009/BTNMT.

- Theo giấy phép xả thải, công ty được phép xả thải tối đa 2.500 m³/ ngày đêm. Năm 2021 lưu lượng xả thải trung bình tại nhà máy khoảng 570 m³/ngày đêm, chất lượng nước thải đầu ra luôn được giám sát liên tục qua hệ thống quan trắc tự động. Việc xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận tại sông Kẻ Gai không gây tác động xấu đến mục tiêu chất lượng của nguồn nước tiếp nhận cũng như các tác động xấu khác. Công ty luôn thực hiện quản lý chất thải rắn, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Công ty luôn luôn thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ, trách nhiệm đối với môi trường như bảo vệ môi trường, đóng các khoản thuế phí như: khai thác nước mặt, phí xả thải vào môi trường, phí dịch vụ tài nguyên rừng...

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Ngoài việc thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Nhà nước đối với người lao động, Công ty luôn chú trọng nâng cao hơn nữa trách nhiệm của công ty đối với người lao động. Người lao động được hưởng thêm các quyền lợi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể.

- Hàng năm đều trích lập các quỹ chăm lo đời sống người lao động: tổ chức thăm hỏi tặng quà nhân các ngày lễ trong năm, chi trợ cấp khó khăn cho CBCNV, tặng quà đối tượng CBCNV nhân các ngày lễ kỷ niệm, chăm lo đời sống người lao động, thanh toán tiền tham quan nghỉ mát.

- Chế độ khen thưởng được thực hiện đầy đủ

- Hàng năm công ty đều tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao cho CBCNV. Công

ty đã làm 01 sân bóng đá, bố trí kết hợp các sân chơi cầu lông, bóng bàn nhằm tạo dựng không khí vui chơi giải trí lành mạnh cho CBCNV sau giờ làm việc, sản xuất.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam luôn coi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là cam kết của doanh nghiệp đóng góp cho việc phát triển kinh tế bền vững, thông qua việc tuân thủ chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động, trả lương công bằng, đào tạo và phát triển nhân viên, phát triển cộng đồng, bảo đảm chất lượng sản phẩm... theo cách có lợi cho cả doanh nghiệp cũng như phát triển chung của xã hội.

- Bên cạnh đó, đơn vị luôn quan tâm thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật đối với người lao động trong toàn đơn vị, từ đó hình thành được ý thức từ mỗi người lao động về hoạt động công tác xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, tương thân tương ái trong cộng đồng, chung tay vì cộng đồng đây là nghĩa vụ đồng thời cũng là một nét văn hóa của CBCNV Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Trong thời gian qua, Công ty đã thực sự tập trung, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, cụ thể là trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Không chỉ vậy, công ty còn thực hiện tốt công tác tuyên truyền, lan rộng trách nhiệm đó đến với người lao động trong toàn đơn vị, thực hiện công tác xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, chung tay vì cộng đồng. Hội đồng quản trị công ty đánh giá cao và mong muốn những cam kết, những trách nhiệm cộng đồng của công ty được phát huy và ngày càng lớn mạnh hơn nữa.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thường xuyên giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc. Trong thời gian qua, Ban Giám đốc và các bộ phận tham mưu đã tổ chức đánh giá, phân tích dự báo tình hình hoạt động kinh doanh theo từng tháng, quý để HĐQT có biện pháp chỉ đạo kịp thời cho Ban Giám đốc. Ban Giám đốc đã huy động có hiệu quả các nguồn lực của Công ty, kiểm tra thường xuyên hiệu quả công việc của các phòng ban để nắm bắt thông tin, có biện pháp hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời giúp cho Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và chuẩn bị các điều kiện tốt nhất khi nền kinh tế hồi phục. Thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả sử dụng vốn cao nhất. Ban Giám đốc Công ty thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có sự phân công phân nhiệm rõ ràng. Các buổi họp giao ban được duy trì hàng tuần, quản lý và điều hành Công ty theo đúng qui định của pháp luật. Chỉ đạo và điều hành đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc và quyết định công việc công khai, minh bạch, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường quản trị công ty, tiếp tục thực hiện các chiến lược phát triển trung và dài hạn của công ty, bám sát định hướng do Sabeco đề ra để có những kế hoạch kinh doanh phù hợp, phát huy năng lực sản xuất nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu, mong muốn của thị trường vào bất kỳ thời điểm nào, đa dạng hóa chủng loại bao bì sản phẩm, đầu tư phát triển mặt hàng mới. Kiện toàn bộ máy tổ chức, chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa. Tăng cường công tác quản lý chi phí và quản trị rủi ro. Đánh giá, xem xét hiệu quả sử dụng vốn.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ % sở hữu
1	Neo Gim Siong Bennett	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	15/02/1969	Cử nhân kỹ sư – cơ khí và sản xuất	0%
2	Văn Thanh Liêm	Thành viên Hội đồng Quản trị	07/07/1950	Cử nhân kinh tế	0,41%
3	Cao Thanh Bích	Thành viên Hội đồng Quản trị	06/12/1949	Kỹ sư	0%
4	Nguyễn Hồng Anh	Thành viên Hội đồng Quản trị/ Phó Giám đốc	29/4/1968	Cử nhân kinh tế	0.11%
5	Võ Hải Thanh	Thành viên Hội đồng Quản trị/ Giám đốc	05/05/1969	Kỹ sư cơ khí – Cử nhân kinh tế	0,438%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện 10 phiên họp, ban hành 09 Nghị quyết để chỉ đạo hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày ký	Nội dung
1	Số 01/2021/NQ-HĐQT	02/02/2021	HĐQT Thông qua công tác Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2021.
2	Số 02/2021/NQ-HĐQT	07/03/2021	Thông qua điều chỉnh mức chi trả tiền lương vị trí Phó Giám đốc Công ty
3	Số 03/2021/NQ-HĐQT	28/05/2021	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền năm 2020.
4	Số 04/2021/NQ-HĐQT	08/10/2021	Thông qua đơn từ nhiệm chức vụ CT. HĐQT và tư cách Thành Viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Tiến Dũng theo đơn từ nhiệm ngày 01/10/2021.
5	Số 05/2021/NQ-HĐQT	29/10/2021	Thông qua đề nghị của Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 16/2021/Ttr-BSGSL ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, bảo đảm cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) – CN Vinh.
6	Số 06/2021/NQ-HĐQT	29/10/2021	Thông qua đề nghị của Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 17/2021/Ttr-BSGSL ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc phê duyệt vay vốn, bảo lãnh, bảo đảm cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh 4,

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày ký	Nội dung
			TP HCM.
7	Số 07/2021/NQ-HĐQT	10/11/2021	Thông qua nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc Thông qua quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến; Phê duyệt nội dung họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2021
8	Số 08/2021/NQ-HĐQT	10/11/2021	Thông qua thành lập Ban kiểm phiếu thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
9	Số 09/2021/NQ-HĐQT	28/12/2021	Thông qua việc bầu Ông Neo Gim Siong Bennett giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị thay thế Ông Văn Thanh Liêm kể từ ngày 28/12/2021.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ % sở hữu
1	Hoàng Thanh Vân	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	12/04/1982	Cử nhân Kinh tế	0%
2	Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát	12/05/1957	Cử nhân Kinh tế	0,033%
3	Lưu Thanh Thảo	Thành viên Ban Kiểm soát	04/07/1987	Cử nhân Kinh tế	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2021.

- Kiểm tra, soát xét các hồ sơ Đầu tư dự án, công tác tổ chức cán bộ, việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động: thông qua việc tuân thủ quy chế phân phối tiền lương, xây dựng kế hoạch quỹ lương 2021, việc thực hiện xếp hạng doanh nghiệp, việc chi trả tiền lương cho người lao động, việc thực hiện chế độ BHXH đối với người lao động.

- Kiểm tra công tác Tài chính, Kế toán: về quản lý hóa đơn bán hàng, quản lý hồ sơ chứng từ Kế toán, công tác quản lý bao bì chai kết.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích 2021:

Đối tượng	Họ và tên	Thù lao	Lương	Tổng cộng
Hội đồng quản trị	Nguyễn Tiến Dũng	118,000,000		118,000,000
	Văn Thanh Liêm	103,000,000		103,000,000
	Võ Hải Thanh	91,000,000		91,000,000
	Cao Thanh Bích	91,000,000		91,000,000

	Nguyễn Hồng Anh	91,000,000		91,000,000
Ban Kiểm soát	Hoàng Thanh Vân	83,111,113		83,111,113
	Nguyễn Thanh Thùy	41,481,481	57,851,852	93,333,333
	Lưu Thanh Thảo	41,481,481		41,481,481
	Đặng Hải Hà	10,518,521		10,518,521
Ban điều hành	Võ Hải Thanh		650,239,408	650,239,408
	Nguyễn Hồng Anh		520,239,408	520,239,408
	Hoàng Lâm Hòa		520,239,408	520,239,408
	Văn Bá Thi		455,239,408	455,239,408
Tổng cộng		670,592,596		2,762,202,280

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số giấy NSH* ngày cấp nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCB thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát - Sài Gòn	Cổ đông lớn	0300583659 Đăng ký lần đầu 17/04/2008 thay đổi lần thứ 10 ngày 18/05/2020 Số KHĐT TP. HCM	187 Nguyễn Chí Thanh, phường 12, Quận 5, TP. HCM	01/01/2021	Số 01/2021/NQ-ĐHĐCB	Hợp đồng mua nguyên vật liệu. Giá trị 489,5 tỷ đồng
2	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát - Sài Gòn	Cổ đông lớn	0300583659 Đăng ký lần đầu 17/04/2008 thay đổi lần thứ 10 ngày 18/05/2020 Số KHĐT TP. HCM	187 Nguyễn Chí Thanh, phường 12, Quận 5, TP. HCM	Năm 2021	Số 01/2021/NQ-ĐHĐCB	Hợp đồng hợp tác sản xuất. Giá trị 1,561.6 tỷ đồng
2	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Người có liên quan của	3001650260 Số KHĐT Hà Tĩnh	Km 12 đường tránh Thành phố	Năm 2021	0201/HĐ/BSGHT-BSGSL	Mua men Bia Trị giá 860

		người nội bộ		Hà Tĩnh, Xã Thạch Tân, Huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh			triệu đồng
3	Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	Người có liên quan của người nội bộ	303140574 21/01/2015 Số KHĐT TPHCM	606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Q1, TPHCM	Năm 2021	Số 07/HĐKA/2021	Mua men Bia Trị giá 860 triệu đồng

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Thực hiện công bố đầy đủ và đúng hạn các Báo cáo quản trị, Báo cáo thường niên và các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng theo đúng quy định của pháp luật.

- Các quy định về quản trị nội bộ Công ty được cập nhật theo quy định mới nhất của Pháp luật hiện hành

- Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan luôn được cập nhật kịp thời và chuẩn hóa nhằm đảm bảo đầy đủ các yêu cầu tuân thủ quy định và đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông.

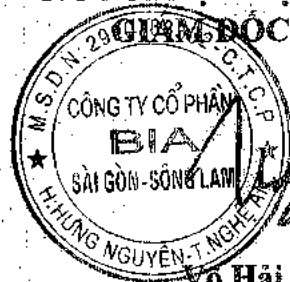
VI. Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính đã kiểm toán đính kèm.

Nơi nhận:

- UBCK NN;
- Sở GD&ĐT HN;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

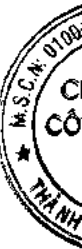


Võ Hải Thanh



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư số	271110000018	ngày 7 tháng 12 năm 2007
	Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	2703001077 2900783332	ngày 20 tháng 12 năm 2006 ngày 26 tháng 9 năm 2016
	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900783332 ngày 26 tháng 9 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Gim Siong Bennett Ông Nguyễn Tiến Dũng Ông Văn Thanh Liêm Ông Cao Thanh Bích Ông Võ Hải Thanh Ông Nguyễn Hồng Anh	Chủ tịch (từ ngày 28 tháng 12 năm 2021) Chủ tịch (đến ngày 8 tháng 10 năm 2021) Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Kiểm soát	Bà Hoàng Thanh Vân Bà Nguyễn Thanh Thùy Bà Lưu Thanh Thảo	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Võ Hải Thanh Ông Nguyễn Hồng Anh Ông Hoàng Lâm Hòa	Giám đốc Phó Giám đốc Phó Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Khối 1, Xã Hưng Đạo Huyện Hưng Nguyên Tỉnh Nghệ An Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

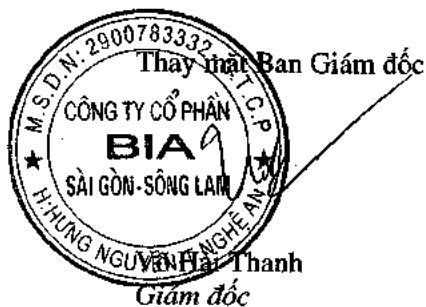
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Nghệ An, ngày 10 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 - DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		199.941.625.165	187.973.676.734
Tiền	110	6	77.827.647.594	32.255.619.506
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		50.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	50.000.000.000	60.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.671.346.129	26.969.839.771
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	13.857.907.145	24.862.652.389
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.439.672.376	626.820.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.373.766.608	1.577.867.382
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(97.500.000)
Hàng tồn kho	140	9(a)	53.141.316.195	68.168.930.135
Hàng tồn kho	141		55.473.232.220	70.642.422.232
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.331.916.025)	(2.473.492.097)
Tài sản ngắn hạn khác	150		301.315.247	579.287.322
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		301.315.247	579.287.322
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		421.158.835.691	491.485.021.913
Các khoản phải thu dài hạn	210		30.000.000	30.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		30.000.000	30.000.000
Tài sản cố định	220		411.846.682.137	475.006.412.120
Tài sản cố định hữu hình	221	10	411.715.637.656	474.906.399.750
Nguyên giá	222		1.291.123.313.803	1.276.537.420.925
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(879.407.676.147)	(801.631.021.175)
Tài sản cố định vô hình	227	11	131.044.481	100.012.370
Nguyên giá	228		303.930.000	203.930.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(172.885.519)	(103.917.630)
Tài sản dở dang dài hạn	240		608.539.091	562.500.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	608.539.091	562.500.000
Tài sản dài hạn khác	260		8.673.614.463	15.886.109.793
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.924.512.859	6.824.893.646
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.040.739.158	2.512.245.150
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	9(b)	4.708.362.446	6.548.970.997
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		621.100.460.856	679.458.698.647

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		123.656.171.965	191.216.824.355
Nợ ngắn hạn	310		123.164.171.965	190.724.824.355
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	7.136.471.972	9.804.967.341
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	93.674.808.421	97.197.466.656
Phải trả người lao động	314		6.024.487.215	2.284.679.837
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	7.282.743.331	6.476.564.077
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	3.320.443.867	1.576.021.060
Vay ngắn hạn	320	18	-	67.230.221.922
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	5.725.217.159	6.154.903.462
Nợ dài hạn	330		492.000.000	492.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		320.000.000	320.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		172.000.000	172.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		497.444.288.891	488.241.874.292
Vốn chủ sở hữu	410	20	497.444.288.891	488.241.874.292
Vốn cổ phần	411	21	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	6.516.196.015	6.516.196.015
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.928.092.876	31.725.678.277
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.141.030.411	3.923.220.383
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		28.787.062.465	27.802.457.894
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		621.100.460.856	679.458.698.647

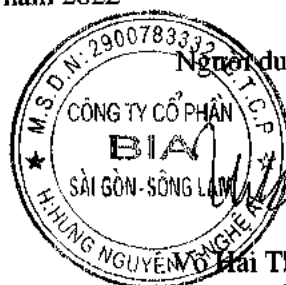
Ngày 10 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Hải Thanh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

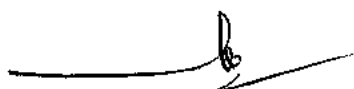
Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	715.253.026.190	700.309.398.273
Giá vốn hàng bán	11	26	648.128.086.598	634.603.394.080
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		67.124.939.592	65.706.004.193
Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.493.869.704	5.915.041.764
Chi phí tài chính	22		878.647.713	7.111.420.994
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		878.647.713	7.111.420.396
Chi phí bán hàng	25		985.616.364	976.819.134
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	23.253.599.139	24.620.339.037
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		44.500.946.080	38.912.466.792
Thu nhập khác	31		749.082.761	582.186.556
Chi phí khác	32		952.906.658	14.947.704
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(203.823.897)	567.238.852
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		44.297.122.183	39.479.705.644
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	8.716.921.109	7.990.184.800
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	29	471.505.992	(2.512.245.150)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		35.108.695.082	34.001.765.994
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	649	620

Ngày 10 tháng 3 năm 2022

Người lập:


Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Võ Hải Thanh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	44.297.122.183	39.479.705.644
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	78.140.956.180	77.485.966.425
Các khoản dự phòng	03	(2.850.029.966)	(1.653.346.783)
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(2.493.869.704)	(5.915.041.764)
Lãi từ tài sản cố định đã xóa sổ	05	(295.333.319)	-
Chi phí lãi vay	06	878.647.713	7.111.420.396
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	117.677.493.087	116.508.703.918
Biến động các khoản phải thu	09	7.000.718.074	13.057.125.552
Biến động hàng tồn kho	10	19.620.752.457	12.188.154.525
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(3.206.641.679)	(12.377.357.133)
Biến động chi phí trả trước	12	5.178.352.862	8.080.327.782
		146.270.674.801	137.456.954.644
Tiền lãi vay đã trả	14	(998.446.678)	(7.200.304.011)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.672.690.986)	(11.782.107.731)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.417.334.169)	(7.194.334.119)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	134.182.202.968	111.280.208.783
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(12.839.378.230)	(4.885.219.669)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	110.000.000.000	120.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	3.359.825.272	4.810.630.204
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	520.447.042	19.925.410.535

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	240.971.354.931	731.370.852.284
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(308.201.576.853)	(782.906.941.690)
Tiền chi trả cổ tức	36	(21.900.400.000)	(61.022.763.882)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(89.130.621.922)	(112.558.853.288)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	45.572.028.088	18.646.766.030
Tiền đầu năm	60	32.255.619.506	13.608.853.476
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 7)	70	77.827.647.594	32.255.619.506

Ngày 10 tháng 3 năm 2022

Người lập:


Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSL.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 199 nhân viên (1/1/2021: 200 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	6 năm

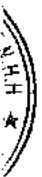
(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Ảnh hưởng của Vi rút Corona

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, công ty mẹ, và do đó cũng ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam trong thời gian gần đây và Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	415.487.930	446.848.730
Tiền gửi ngân hàng	77.412.159.664	31.808.770.776
	77.827.647.594	32.255.619.506

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,0% đến 6,0% một năm (1/1/2021: từ 5,3% đến 7,7% một năm).

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	12.390.270.124	23.262.775.316
Các khách hàng khác	1.467.637.021	1.599.877.073
	13.857.907.145	24.862.652.389

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	12.390.270.124	23.262.775.316
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	1.165.807.500

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

9. Hàng tồn kho**(a) Hàng tồn kho**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.556.483.469	-	37.596.000	-
Nguyên vật liệu	13.844.598.042	-	24.495.654.121	-
Công cụ và dụng cụ	5.920.026.364	(2.331.916.025)	6.852.243.629	(2.473.492.097)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.638.247.638	-	26.914.875.953	-
Thành phẩm	12.513.876.707	-	12.342.052.529	-
	55.473.232.220	(2.331.916.025)	70.642.422.232	(2.473.492.097)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	2.473.492.097	3.284.660.290
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(141.576.072)	(811.168.193)
Số dư cuối năm	2.331.916.025	2.473.492.097

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	11.915.642.209	(7.207.279.763)	16.367.204.654	(9.818.233.657)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	9.818.233.657	10.660.412.247
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(2.610.953.894)	(842.178.590)
Số dư cuối năm	7.207.279.763	9.818.233.657

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	223.437.662.362	1.033.625.338.662	7.650.541.526	10.121.825.868	1.702.052.507	1.276.537.420.925
Tăng trong năm	-	1.562.595.798	-	799.715.272	-	2.362.311.070
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	13.552.581.808	-	-	-	13.552.581.808
Xóa sổ	-	(1.329.000.000)	-	-	-	(1.329.000.000)
Số dư cuối năm	223.437.662.362	1.047.411.516.268	7.650.541.526	10.921.541.140	1.702.052.507	1.291.123.313.803
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	78.407.911.833	706.098.978.328	7.257.719.298	8.382.993.508	1.483.418.208	801.631.021.175
Khấu hao trong năm	10.781.228.390	66.061.647.776	87.999.995	1.061.285.490	79.826.640	78.071.988.291
Xóa sổ	-	(295.333.319)	-	-	-	(295.333.319)
Số dư cuối năm	89.189.140.223	771.865.292.785	7.345.719.293	9.444.278.998	1.563.244.848	879.407.676.147
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	145.029.750.529	327.526.360.334	392.822.228	1.738.832.360	218.634.299	474.906.399.750
Số dư cuối năm	134.248.522.139	275.546.223.483	304.822.233	1.477.262.142	138.807.659	411.715.637.656

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 14.704 triệu VND (1/1/2021: 14.255 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	203.930.000
Tăng trong năm	100.000.000
Số dư cuối năm	<u>303.930.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	103.917.630
Khấu hao trong năm	68.967.889
Số dư cuối năm	<u>172.885.519</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	100.012.370
Số dư cuối năm	<u>131.044.481</u>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản cố nguyên giá 92 triệu VND (1/1/2021: 92 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	562.500.000	3.134.294.000
Tăng trong năm	13.598.620.899	3.888.062.109
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(13.552.581.808)	(6.459.856.109)
Số dư cuối năm	<u>608.539.091</u>	<u>562.500.000</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	6.234.819.767	590.073.879	6.824.893.646
Tăng trong năm	245.261.000	195.399.004	440.660.004
Phân bổ trong năm	(4.646.049.149)	(694.991.642)	(5.341.040.791)
Số dư cuối năm	1.834.031.618	90.481.241	1.924.512.859

14. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Điện hơi Công nghiệp Tín Thành	1.454.567.586	1.413.503.600
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	1.109.962.920	548.365.400
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Vạn Thiên Phúc	853.960.580	-
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	4.073.494.400
Các nhà cung cấp khác	3.717.980.886	3.769.603.941
	7.136.471.972	9.804.967.341

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	4.073.494.400
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co	164.882.744	13.328.404

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	83.403.287.781	710.530.643.128	(715.211.938.013)	78.721.992.896
Thuế giá trị gia tăng	10.998.934.015	141.490.139.216	(141.305.666.998)	11.183.406.233
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.694.983.059	8.716.921.109	(7.672.690.986)	3.739.213.182
Thuế thu nhập cá nhân	100.261.801	1.002.469.747	(1.072.535.438)	30.196.110
Thuế khác	-	1.561.337.531	(1.561.337.531)	-
	97.197.466.656	863.301.510.731	(866.824.168.966)	93.674.808.421

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí lãi vay	4.223.840.202	4.343.639.167
Chi phí xây dựng	1.290.909.091	-
Chi phí phải trả khác	1.767.994.038	2.132.924.910
	7.282.743.331	6.476.564.077

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải trả	1.758.900.000	1.159.300.000
Phải trả ngắn hạn khác	1.561.543.867	416.721.060
	3.320.443.867	1.576.021.060

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2021	Biến động trong năm		31/12/2021
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	67.230.221.922	240.971.354.931	(308.201.576.853)	-

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh (*)	VND	5,0%	-	37.230.221.922
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh (**)	VND	5,0%	-	30.000.000.000
			-	67.230.221.922

(*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 300 tỷ VND và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 411.716 triệu VND (1/1/2021: 474.906 triệu VND) (Thuyết minh 10) và quyền sử dụng đất Số AI189767 ngày 22 tháng 5 năm 2009. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản vay này có số dư bằng không.

(**) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 100 tỷ VND và không có đảm bảo. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản vay này có số dư bằng không.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	6.154.903.462	7.857.090.798
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	5.903.000.000	6.106.308.100
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	(2.915.352.134)	(614.161.317)
Sử dụng trong năm	(3.417.334.169)	(7.194.334.119)
Số dư cuối năm	5.725.217.159	6.154.903.462

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	450.000.000.000	6.516.196.015	61.809.059.066	518.325.255.081
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	34.001.765.994	34.001.765.994
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(58.500.000.000)	(58.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(6.106.308.100)	(6.106.308.100)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	614.161.317	614.161.317
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(93.000.000)	(93.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	450.000.000.000	6.516.196.015	31.725.678.277	488.241.874.292
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	35.108.695.082	35.108.695.082
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(22.500.000.000)	(22.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(5.903.000.000)	(5.903.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	2.915.352.134	2.915.352.134
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(418.632.617)	(418.632.617)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	450.000.000.000	6.516.196.015	40.928.092.876	497.444.288.891



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
<hr/>		
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
<hr/>		

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 19 tháng 3 năm 2021, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 22.500 triệu VND (tương đương 500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 (2020: 58.500 triệu VND, tương đương 1.300 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	867.328.700	1.239.041.000
Từ hai đến năm năm	4.956.164.000	4.956.164.000
Sau năm năm	39.959.072.250	41.198.113.250
	<hr/>	<hr/>
	46.154.277.250	47.393.318.250
	<hr/>	<hr/>

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2021	2020
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	709.117.910.626	693.914.112.794
▪ <i>Bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<u>1.419.648.553.754</u>	<u>1.407.774.875.870</u>
▪ <i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<u>(710.530.643.128)</u>	<u>(713.860.763.076)</u>
▪ Doanh thu khác	6.135.115.564	6.395.285.479
	<hr/>	<hr/>
	715.253.026.190	700.309.398.273
	<hr/>	<hr/>

26. Giá vốn hàng bán

	2021 VND	2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Bán thành phẩm	630.525.735.569	618.065.481.282
▪ Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	(2.752.529.966)	(1.653.346.783)
▪ Giá vốn khác	20.354.880.995	18.191.259.581
	648.128.086.598	634.603.394.080

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	11.044.996.243	9.220.109.398
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.823.329.384	3.793.685.185
Thuế, phí và lệ phí	1.076.835.583	1.267.767.876
Chi phí khấu hao	1.070.428.208	1.004.389.267
Thiết bị văn phòng	474.781.041	1.609.846.537
Chi phí quản lý khác	5.763.228.680	7.724.540.774
	23.253.599.139	24.620.339.037

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	505.624.416.693	486.238.050.265
Chi phí khấu hao và phân bổ	78.140.956.180	77.485.966.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.675.994.847	53.967.662.106
Chi phí nhân công và nhân viên	38.633.577.963	33.138.823.301
Chi phí khác	10.292.356.418	9.370.050.154

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	8.745.881.012	7.466.872.975
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(28.959.903)	523.311.825
	<hr/> 8.716.921.109	<hr/> 7.990.184.800
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	471.505.992	(2.512.245.150)
	<hr/> 9.188.427.101	<hr/> 5.477.939.650

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	44.297.122.183	39.479.705.644
Thuế theo thuế suất của Công ty	8.859.424.437	7.895.941.129
Chi phí không được khấu trừ thuế	357.962.567	376.267.031
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	-	(3.317.580.335)
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(28.959.903)	523.311.825
	<hr/> 9.188.427.101	<hr/> 5.477.939.650

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2021	2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	35.108.695.082	34.001.765.994
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(5.903.000.000)	(6.106.308.100)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	29.205.695.082	27.895.457.894

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.419.648.553.754	1.407.774.875.870
Mua nguyên vật liệu	446.069.261.143	426.054.905.284
Cổ tức	15.475.000.000	40.235.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Chi phí sử dụng vỏ chai	457.516.012	917.702.000
Mua chai	-	858.180.960
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua nguyên vật liệu	781.975.000	827.700.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Mua hàng hoá	1.067.881.200	1.417.049.500
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co		
Mua công cụ và dụng cụ	312.009.614	76.714.731
Mua phần mềm	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hoá	71.724.000	164.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh		
Cho mượn công cụ và dụng cụ	-	190.453.442
Công Ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	58.559.340	117.350.056
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Bán hàng hóa	31.900.000	-
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Mua dịch vụ	942.809.664	-
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	1.734.416.373	2.015.807.375

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Hội đồng quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Tiến Dũng - Chủ tịch	130.000.000	161.280.004
Ông Văn Thanh Liêm - Thành viên	103.000.000	107.520.000
Ông Cao Thanh Bích - Thành viên	91.000.000	107.520.000
Ông Võ Hải Thanh - Thành viên	91.000.000	107.520.000
Ông Nguyễn Hồng Anh - Thành viên	91.000.000	107.520.000
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Hoàng Thanh Vân – Trưởng ban	83.111.113	67.199.998
Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thành viên	41.481.481	-
Bà Lưu Thanh Thảo – Thành viên	41.481.481	-
Ông Đặng Hải Hà - Thành viên	10.518.521	67.199.998

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2021 VND	2020 VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	1.409.983.739	46.750.000
Nhận tài sản cố định bồi thường từ công ty bảo hiểm	1.329.000.000	-

33. Thông tin so sánh

Các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

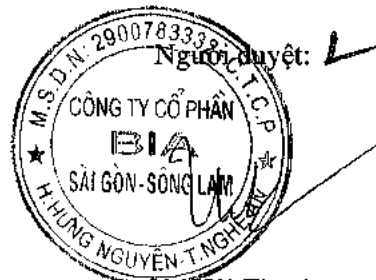
Ngày 10 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Võ Hải Thanh
Giám đốc

